

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 12 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tòng

2. Ông Mai Đức Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Ánh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 của TAND thị xã Nghi Sơn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T - Sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Đỗ Viết T1 - Sinh năm 1986

Cùng HKTT: Thôn B, xã P, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Đặng Thị T và anh Đỗ Viết T1 đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Viết T1 có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/8/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, anh T1 đã nhiều lần đánh chị. Vợ chồng không tin tưởng nhau, không còn tình cảm đối với nhau, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè, gia đình hòa giải nhưng không hòa hợp được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể kéo dài cuộc sống chung, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đỗ Viết T1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Ly N, sinh ngày 31/12/2015 và Đỗ Viết Thiện N1 sinh ngày 30/7/2019. Nay khi ly hôn, chị T có nguyện vọng đề nghị tòa án giao cháu Đỗ ly N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Viết Thiện N1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Chị làm nghề giáo viên, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng.

Về tài sản và công nợ: Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung vợ chồng là 01 xe ô tô nhãn hiệu RUSH-TOYOTA BKS 36A-678.20. Tuy nhiên, đến ngày 22/11/2024 chị T đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung vợ chồng. Nay chị T không yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Viết T1 trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/8/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 3 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ngoài ra, anh cho rằng chị T có quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn lớn. Vợ chồng đã ngồi lại hòa giải nhưng không được. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã lớn, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh là người theo đạo thiên chúa giáo nên anh ly hôn là không đúng phép tắc của đạo thiên chúa. Vì vậy, nếu chị T muốn ly hôn thì tùy chị giải quyết đơn phương ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Ly N, sinh ngày 31/12/2015 và Đỗ Viết Thiện N1 sinh ngày 30/7/2019. Nếu chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Anh T1 làm nghề lái xe và làm tự do, thu nhập hàng tháng 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

Về tài sản và công nợ: Tại phiên hòa giải ngày 23/10/2024, anh T1 có yêu cầu tòa án phân chia một số khoản nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi anh biết chị T đã rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng thì anh cũng đã có đơn trình bày ý kiến không yêu cầu tòa án phân chia tài sản công nợ nữa.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2024 cháu Đỗ Ly N trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh Đỗ Viết T1 và chị Đặng Thị T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/8/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại xã P, TX N, tỉnh Thanh Hóa. Hiện anh T1 làm nghề lái xe, chị T làm nghề giáo viên. Chị T có báo cáo chính quyền địa phương về mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, lối sống không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, hiện tại anh chị ly thân, chị T đã về nhà ngoại để sinh sống. Anh chị có 02 con chung là Đỗ Ly N, sinh ngày 31/12/2015 và Đỗ Viết Thiện N1 sinh ngày 30/7/2019.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cho chị được ly hôn anh T1. Anh T1 không đồng ý ly hôn. Anh chị không thống nhất được việc trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ các Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, cho chị T được ly hôn anh T1; về con chung: Đề nghị giao cháu Đỗ Ly N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Viết Thiện N1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của chị Đặng Thị T:*

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/8/2015 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 3/2024 do bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, nhiều lần cãi vã xô xát, gia đình đã khuyên giải, tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng không được. Chị T có nguyện vọng được ly hôn, anh T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã lớn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc chị T yêu cầu được ly hôn anh T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51,56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Ly N, sinh ngày 31/12/2015 và Đỗ Viết Thiện N1 sinh ngày 30/7/2019. Anh chị đều có sức khỏe tốt, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dạy con tốt. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cần đảm bảo sự ổn định và xem xét nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Hiện nay cháu Đỗ Ly N đang ở cùng chị T, cháu Đỗ Viết Thiện N1 đang ở cùng anh T1. Cháu Đỗ Ly N đã trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu Đỗ Ly N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Viết Thiện N1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị T rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản. Anh T1 không yêu cầu giải quyết tài sản công nợ nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Đỗ Viết T1.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là Đỗ Ly N, sinh ngày 31/12/2015 và Đỗ Viết Thiện N1 sinh ngày 30/7/2019. Giao cháu Đỗ ly N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Viết Thiện N1 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T và anh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản:* Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc chia tài sản. Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nên không xem xét.

- *Về công nợ:* Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.000.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0002862 ngày 27/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho chị T số tiền 8.700.000đ (tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị Đặng Thị T và bị đơn anh Đỗ Viết T1 có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Phú Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Huyền

